

Môn học : Cung cấp điện - MH1102055

Mã lớp học phần: 25111MH110205501 Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Nguyễn Thị Nguyệt Hoa - (02005)

Ngày thi: 5/9/25 Giờ thi: 8h00 Phòng thi: A1.6

Giám thị 1: N.T.N Hoa Ký tên: N.T.N Hoa

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ấn	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2410030023	Phan Hứa Trọng	Ấn	25/09/2006	C26DDT1	<u>N.T.N Hoa</u>	5,0	Năm Không	
2	2410030013	Đặng Hoài	Bảo	04/02/2006	C26DDT1	<u>Bao</u>	6,5	Sáu Năm	
3	2410030009	Lưu Gia	Bảo	19/06/2006	C26DDT1	<u>Bao</u>	6,0	Sáu Không	
4	2410030002	Huỳnh Bá Khương	Duy	29/11/2004	C26DDT1	<u>D</u>	7,5	Bảy Năm	
5	2410030014	Lê Văn	Duy	03/06/2005	C26DDT1	<u>Lu</u>	5,5	Năm Năm	
6	2410030020	Nguyễn Lê Thanh	Duy	04/09/2006	C26DDT1	<u>Duy</u>	6,0	Sáu Không	
7	2410030008	Trần Quốc	Duy	19/02/2006	C26DDT1	<u>Duy</u>	5,5	Năm Năm	
8	2410030018	Đỗ Thành	Đạt	07/08/2006	C26DDT1	<u>Đạt</u>	8,0	Tám Không	
9	2410030010	Nguyễn Duy	Đạt	05/03/2005	C26DDT1	/	/	/	✓
10	2410030004	Trần Vũ	Hà	06/07/2006	C26DDT1	/	/	/	✓
11	2410030003	Lâm Vũ	Hào	26/02/2006	C26DDT1	<u>Hao</u>	6,0	Sáu Không	
12	2410030025	Trần Chí	Hào	28/07/2005	C26DDT1	<u>Chí</u>	5,0	Năm Không	
13	2410030015	Nguyễn Phúc Thái	Hòa	06/02/2006	C26DDT1	<u>HT</u>	8,5	Tám Năm	
14	2410030017	Nguyễn Nhật	Huy	04/10/2006	C26DDT1	<u>H</u>	7,0	Bảy Không	
15	2410030031	Trần Minh	Khoa	25/04/2006	C26DDT1	<u>Khoa</u>	6,5	Sáu Năm	
16	2410030030	Châu Tuấn	Kiệt	30/03/2006	C26DDT1	<u>KT</u>	7,5	Bảy Năm	
17	2410030021	Nguyễn Lê Phương	Minh	24/09/2006	C26DDT1	<u>Minh</u>	7,0	Bảy Không	
18	2410030027	Phạm Trọng	Nghĩa	07/02/2006	C26DDT1	<u>Nghĩa</u>	6,5	Sáu Năm	
19	2410030029	Bùi Thịnh	Phát	03/02/2006	C26DDT1	<u>Ph</u>	6,0	Sáu Không	
20	2410030005	Nguyễn Tấn	Phát	19/11/2006	C26DDT1	<u>Phat</u>	5,0	Năm Không	
21	2410030022	Trần Duy	Tân	15/09/2005	C26DDT1	<u>T</u>	5,5	Năm Năm	
22	2410030007	Lương Thành	Trọng	26/10/2006	C26DDT1	<u>Tr</u>	7,5	Bảy Năm	
23	2410030019	Đinh Hoàng	Vũ	13/10/2006	C26DDT1	<u>V</u>	6,5	Sáu Năm	
24	2410030032	Nguyễn Lê Kha	Vỹ	16/12/2006	C26DDT1	<u>Vỹ</u>	5,0	Năm Không	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi: 22 vắng thi: 02 Số bài thi: 22 / 22Ngày: 05 tháng 9 năm 2025Ngày: 5 tháng 9 năm 2025

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

(ký & ghi rõ họ tên)

ThS. Phạm Văn Dũng

ThS. Nguyễn Thị Nguyệt Hoa

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 1 - Năm học : 2025-2026

Môn học : Cung cấp điện - MH1102055

Mã lớp học phần: 25111MH110205501 Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Nguyễn Thị Nguyệt Hoa - (02005)

Ngày thi: 5/9/25 Giờ thi: 8h00 Phòng thi: A1.6

Giám thị 1: NTN Hoa Ký tên: 

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2410030046	Vũ Xuân Bắc	20/11/2006	C26DDT2		7,0	Bảy Không	
2	2410030035	Chế Hoàng Hiệp	13/05/2006	C26DDT2		6,0	Sáu Không	
3	2410030045	Phạm Đức Huy	06/09/2006	C26DDT2		5,0	Năm Không	
4	2410030040	Trần Ngọc Lâm	22/06/2005	C26DDT2		6,0	Sáu Không	
5	2410030044	Lê Trọng Nghĩa	14/09/2006	C26DDT2		6,5	Sáu Năm	
6	2410030049	Trần Quang Nghĩa	09/05/2006	C26DDT2		6,0	Sáu Không	
7	2410030034	Huỳnh Hữu Thức	26/06/2006	C26DDT2		8,5	Tám Năm	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi: 08 vắng thi: 0. Số bài thi: 07 / 07.

Ngày: 5...tháng 9...năm 2025

Ngày: 5...tháng 9...năm 2025

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

(ký & ghi rõ họ tên)

ThS. Phạm Văn Dũng

ThS. Nguyễn Thị Nguyệt Hoa

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 1 - Năm học : 2025-2026

Môn học : Cung cấp điện - MH1102055

Giám thị 1: NTN Hoa Ký tên: NTN

Mã lớp học phần: 25111MH110205501 Số tín chỉ: 3

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giảng viên giảng dạy: Nguyễn Thị Nguyệt Hoa - (02005)

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Ngày thi: 5/9/25 Giờ thi: 8h Phòng thi: A1.6

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Quốc	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2210010005	Võ Văn	Quốc	07/11/2003	C24DDT	<u>Cần</u>	<u>7,0</u>	<u>Bảng không</u>	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 01 vắng thi: 0 . Số bài thi: 01 / 01 .Ngày: 05 tháng 9 năm 2025Ngày: 05 tháng 9 năm 2025

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

(ký & ghi rõ họ tên)

ThS. Phạm Văn DũngThS Nguyễn Thị Nguyệt Hoa

QUẢN TRỊ ĐO ANH NGHIỆP
TRƯỜNG CĐBC CÔNG NGHỆ VÀ QTDN

PHÒNG KHẢO THÍ VÀ
ĐẢM CHẤT LƯỢNG

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 1 - Năm học : 2025-2026

Môn học : Cung cấp điện - MH1102055

Mã lớp học phần: 25111MH110205501 Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Nguyễn Thị Nguyệt Hoa - (02005)

Ngày thi: 03/10/25 Giờ thi: 14h00 Phòng thi: A26

Giám thị 1: NTN Hoa Ký tên: NHN

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ân	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2410030023	Phan Hứa Trọng	Ân	25/09/2006	C26DDT1	<u>NHN</u>	5,0	Năm không	
2	2410030013	Đặng Hoài	Bảo	04/02/2006	C26DDT1	<u>Bao</u>	4,5	Bon Năm	
3	2410030009	Lưu Gia	Bảo	19/06/2006	C26DDT1	<u>Bao</u>	5,0	Năm không	
4	2410030002	Huỳnh Bá Khương	Duy	29/11/2004	C26DDT1	<u>D</u>	8,0	Tam không	
5	2410030014	Lê Văn	Duy	03/06/2005	C26DDT1	<u>Lưu</u>	5,0	Năm không	
6	2410030020	Nguyễn Lê Thanh	Duy	04/09/2006	C26DDT1	<u>Duy</u>	6,5	Sáu Năm	
7	2410030008	Trần Quốc	Duy	19/02/2006	C26DDT1	<u>Duy</u>	5,0	Năm không	
8	2410030018	Đỗ Thành	Đạt	07/08/2006	C26DDT1	<u>Đạt</u>	8,0	Tam không	
9	2410030010	Nguyễn Duy	Đạt	05/03/2005	C26DDT1	<u>/</u>	<u>/</u>	<u>/</u>	VT
10	2410030004	Trần Vũ	Hà	06/07/2006	C26DDT1	<u>/</u>	<u>/</u>	<u>/</u>	VT
11	2410030003	Lâm Vũ	Hào	26/02/2006	C26DDT1	<u>Hào</u>	5,0	Năm không	
12	2410030025	Trần Chí	Hào	28/07/2005	C26DDT1	<u>Chí</u>	5,0	Năm không	
13	2410030015	Nguyễn Phúc Thái	Hòa	06/02/2006	C26DDT1	<u>Thái</u>	10,0	Mười	
14	2410030017	Nguyễn Nhật	Huy	04/10/2006	C26DDT1	<u>NH</u>	5,0	Năm không	
15	2410030031	Trần Minh	Khoa	25/04/2006	C26DDT1	<u>Khoa</u>	4,5	Bon Năm	
16	2410030030	Châu Tuấn	Kiệt	30/03/2006	C26DDT1	<u>KT</u>	7,0	Bảy không	
17	2410030021	Nguyễn Lê Phương	Minh	24/09/2006	C26DDT1	<u>Minh</u>	7,5	Bảy Năm	
18	2410030027	Phạm Trọng	Nghĩa	07/02/2006	C26DDT1	<u>Nghĩa</u>	6,5	Sáu Năm	
19	2410030029	Bùi Thịnh	Phát	03/02/2006	C26DDT1	<u>B</u>	4,5	Bon Năm	
20	2410030005	Nguyễn Tấn	Phát	19/11/2006	C26DDT1	<u>Phát</u>	5,0	Năm không	
21	2410030022	Trần Duy	Tân	15/09/2005	C26DDT1	<u>TD</u>	5,5	Năm Năm	
22	2410030007	Lương Thành	Trọng	26/10/2006	C26DDT1	<u>LT</u>	7,0	Bảy không	
23	2410030019	Đinh Hoàng	Vũ	13/10/2006	C26DDT1	<u>V</u>	7,0	Bảy không	
24	2410030032	Nguyễn Lê Kha	Vỹ	16/12/2006	C26DDT1	<u>Vỹ</u>	5,0	Năm không	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 22 vắng thi: 02 . Số bài thi: 22 / 22 .

Ngày 03 tháng 10 năm 2025

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

ThS. Phạm Văn Dũng

Ngày 03 tháng 10 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

ThS. Nguyễn Thị Nguyệt Hoa

QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP
PHÒNG KHẢO THÍ VÀ
BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 1 - Năm học : 2025-2026

Môn học : Cung cấp điện - MH1102055

Mã lớp học phần: 25111MH110205501 Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Nguyễn Thị Nguyệt Hoa - (02005)

Ngày thi: 3/10/25 Giờ thi: 14h00 Phòng thi: A1.6

Giám thị 1: NTN Hoa Ký tên: NHN

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2410030046	Vũ Xuân Bắc	20/11/2006	C26DDT2	<u>B</u>	4,5	Bốn Năm	
2	2410030035	Chế Hoàng Hiệp	13/05/2006	C26DDT2	<u>Hiep</u>	6,5	Sáu Năm	6,5
3	2410030045	Phạm Đức Huy	06/09/2006	C26DDT2	<u>Hu</u>	5,0	Năm Không	
4	2410030040	Trần Ngọc Lâm	22/06/2005	C26DDT2	<u>Lam</u>	6,0	Sáu Không	
5	2410030044	Lê Trọng Nghĩa	14/09/2006	C26DDT2	<u>Nghia</u>	6,0	Sáu Không	
6	2410030049	Trần Quang Nghĩa	09/05/2006	C26DDT2	<u>Ng</u>	5,0	Năm Không	
7	2410030034	Huỳnh Hữu Thúc	26/06/2006	C26DDT2	<u>thuc</u>	8,5	Tám Năm	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 07 vắng thi: 0 Số bài thi: 07 / 07.

Ngày: 03 tháng 10 năm 2025

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

ThS. Phạm Văn Dũng

Ngày: 03 tháng 10 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

ThS Nguyễn Thị Nguyệt Hoa

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 1 - Năm học : 2025-2026

Môn học : Cung cấp điện - MH1102055

Mã lớp học phần: 25111MH110205501 Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Nguyễn Thị Nguyệt Hoa - (02005)

Ngày thi: 3/10/25 Giờ thi: 14h00 Phòng thi: A1.6

Giám thị 1: NT N Hoa Ký tên: 

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2210010005	Võ Văn Quốc	07/11/2003	C24DDT		6,0	Sau 1h rưỡi	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi: 01 vắng thi: 0. Số bài thi: 01 / 1.

Ngày: 03 tháng 10 năm 2025

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

ThS. Phạm Văn Dũng

Ngày: 3 tháng 10 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

ThS Nguyễn Thị Nguyệt Hoa

PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO
VÀ BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 1 - Năm học : 2025-2026

Môn học : Cung cấp điện - MH1102055

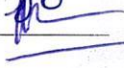
Giám thị 1: Phan Thành Tường

Ký tên: 

Mã lớp học phần: 25111MH110205501

Số tín chỉ: 3

Giám thị 2: Lê Anh Thy Thy

Ký tên: 

Giảng viên giảng dạy: Nguyễn Thị Nguyệt Hoa

Giám thị 3: _____

Ký tên: _____

Ngày thi: 06/11/2025

Giờ thi: 09h30

Phòng thi: A1.7

Giám thị 4: _____

Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2410030023	Phan Hứa Trọng Ân	25/09/2006		1	2,5	Hai Năm	C26DDT1	VT
2	2410030013	Đặng Hoài Bảo	04/02/2006		1	2,5	Hai Năm	C26DDT1	
3	2410030009	Lưu Gia Bảo	19/06/2006		1	2,5	Hai Năm	C26DDT1	
4	2410030046	Vũ Xuân Bắc	20/11/2006		1	2,0	Hai Không	C26DDT2	
5	2410030002	Huỳnh Bá Khương Duy	29/11/2004		1	7,0	Bảy Không	C26DDT1	
6	2410030014	Lê Văn Duy	03/06/2005		1	2,0	Hai Không	C26DDT1	VT
7	2410030020	Nguyễn Lê Thanh Duy	04/09/2006		1	2,0	Hai Không	C26DDT1	
8	2410030008	Trần Quốc Duy	19/02/2006		1	2,5	Hai Năm	C26DDT1	
9	2410030018	Đỗ Thành Đạt	07/08/2006		1	1,5	Một Năm	C26DDT1	
10	2410030003	Lâm Vũ Hào	26/02/2006		1	1,0	Một Không	C26DDT1	
11	2410030025	Trần Chí Hào	28/07/2005		1	1,0	Một Không	C26DDT1	
12	2410030035	Chê Hoàng Hiệp	13/05/2006		1	3,5	Ba Năm	C26DDT2	
13	2410030015	Nguyễn Phúc Thái Hòa	06/02/2006		1	6,0	Sáu Không	C26DDT1	
14	2410030017	Nguyễn Nhật Huy	04/10/2006		1	1,0	Một Không	C26DDT1	
15	2410030045	Phạm Đức Huy	06/09/2006		1	2,0	Hai Không	C26DDT2	VT
16	2410030031	Trần Minh Khoa	25/04/2006		1	1,0	Một Không	C26DDT1	
17	2410030030	Châu Tuấn Kiệt	30/03/2006		1	1,0	Một Không	C26DDT1	
18	2410030040	Trần Ngọc Lâm	22/06/2005		1	1,5	Một Năm	C26DDT2	
19	2410030021	Nguyễn Lê Phương Minh	24/09/2006		1	3,5	Ba Năm	C26DDT1	
20	2410030044	Lê Trọng Nghĩa	14/09/2006		1	1,0	Một Không	C26DDT2	
21	2410030027	Phạm Trọng Nghĩa	07/02/2006		1	2,5	Hai Năm	C26DDT1	
22	2410030049	Trần Quang Nghĩa	09/05/2006		1	1,5	Một Năm	C26DDT2	
23	2410030029	Bùi Thịnh Phát	03/02/2006		1	0,5	Không Năm	C26DDT1	
24	2410030005	Nguyễn Tấn Phát	19/11/2006		1	1,0	Một Không	C26DDT1	
25	2210010005	Võ Văn Quốc	07/11/2003		1	3,5	Ba Năm	C24DDT	
26	2410030022	Trần Duy Tân	15/09/2005		1	1,0	Một Không	C26DDT1	
27	2410030034	Huỳnh Hữu Thức	26/06/2006		1	4,0	Bốn Không	C26DDT2	
28	2410030007	Lương Thành Trọng	26/10/2006		1	4,0	Bốn Không	C26DDT1	
29	2410030019	Đinh Hoàng Vũ	13/10/2006		1	1,0	Một Không	C26DDT1	

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
30	241Q030032	Nguyễn Lê Kha Vỹ	16/12/2006	Vỹ	1	20	Hao không	C26DDT1	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi: 27 vắng thi: 03 Số bài thi/Số tờ: 27 / 27

Số sinh viên đạt: 06 Tỷ lệ đạt: 30 %

Ngày: 06 tháng 11 năm 2025

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)



ThS. Phạm Văn Dũng

Ngày: 06 tháng 11 năm 2025

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)



ThS Nguyễn Thị Nguyệt Hoa

